

## **Bài tập thực hành môn Quản lý thông tin tuần 1**

**Họ và Tên: Lê Hoàng Huy**

**MSSV: 20521392**

### **Bài làm**

**Trong gmail, anh/chị hãy cho biết:**

**a. Gmail đã cung cấp các tính năng gì để phục vụ cho việc tổ chức tốt các mails (dữ liệu, thông tin)?**

- Các tính năng phục vụ cho việc tổ chức tốt các mail là:
- + Phân loại thư: có thể lọc được các loại thư công việc, học tập, thư spam,....
- + Tạo danh sách các việc cần làm trong phần tasks, ghi chú,...
- + Chặn tin nhắn từ những người gửi không cần thiết
- + Xếp những thư liên quan vào 1 nhãn (label)
- + Xem được những thư quan trọng trong mục important
- + Tạo được thư trả lời tự động.

**a1. Cấu trúc đầy đủ của một mail.**

- 1 cấu trúc mail đầy đủ bao gồm:
- + Phần tiêu đề: Bên trong phần này ta sẽ thấy 2 mục đó chính là mail người nhận và chủ đề của toàn email.
- + Phần nội dung: Phần này gồm những nội dung của email.
- Lời chào đầu: dear...
- Mở đầu: giới thiệu sơ về bản thân
- Phần thân: những gì muốn nói trong mail, mục đích viết
- Phần kết: lời chào, chữ kí.

**a2. Phân loại mails.**

- Loại mail được sử dụng phổ biến hiện tại chính là mail cá nhân và mail doanh nghiệp

+ Mail cá nhân: là tài khoản thư điện tử của mỗi cá nhân. Đuôi mail thường là

@gmail.com

+ Mail doanh nghiệp: là mail thuộc quyền sở hữu của công ty, dùng để trao đổi trong công ty giữa nhân viên với nhau hay với sếp hoặc đối tác hay khách hàng. Các dữ liệu trong mail luôn được lưu trữ an toàn.

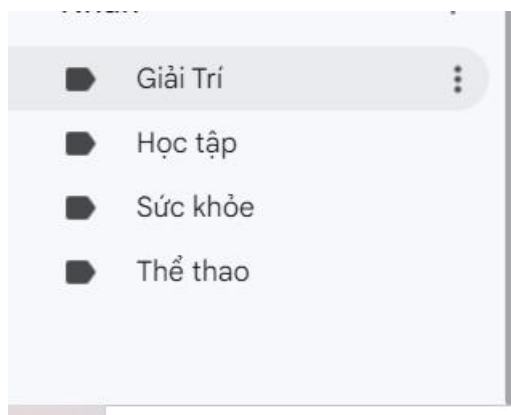
### **a3. Khái niệm mailgroup**

- Mailgroup cho phép trao đổi thông tin rộng rãi cho một danh sách các địa chỉ email. Danh sách này có thể được đặt để xem riêng tư hoặc xem công khai hoặc chỉ cho bất kỳ ai đăng.

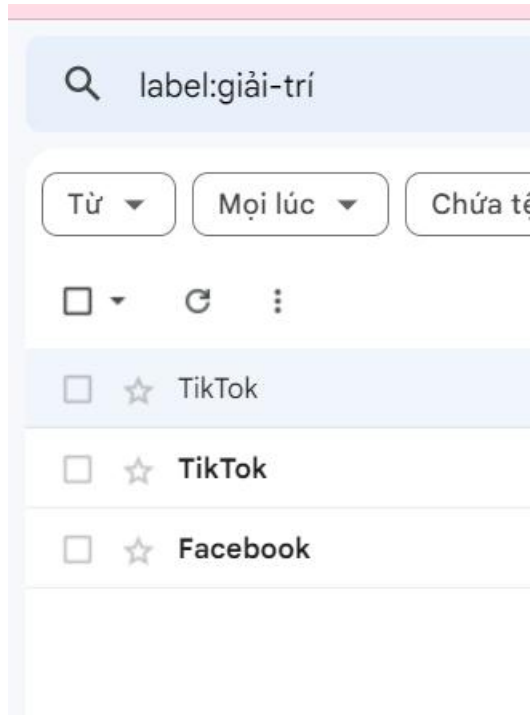
Mailgroup thường được sử dụng để hợp tác trên các dự án khác nhau như một cách trao đổi thông tin.

- Ví dụ về mailgroup: cncl2020.1@gm.uit.edu.vn ,...

**b. Hãy tạo thêm các thư mục sau trong gmail (Giải Trí, Sức Khỏe, Thể Thao, Học Tập).**



**c. Hãy đánh dấu và di chuyển các mails vào các thư mục vừa tạo tương ứng**



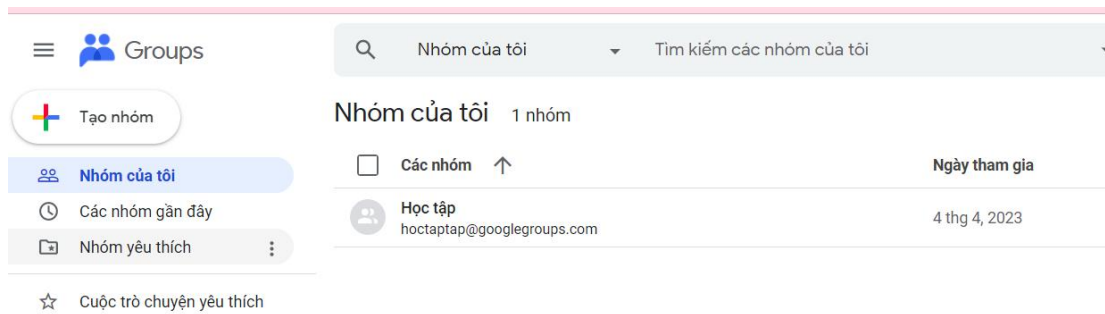
**d. Một account hiện tại có dung lượng tối đa bao nhiêu?**

- Một mail account hiện tại có dung lượng là 15GB xài miễn phí và nếu muốn tăng thêm thì ta phải trả thêm phí và dung lượng tối đa có thể lên đến là 150GB.

**e. Hãy tạo ra một mailgroup trong gmail và cho biết lợi ích của nó? Tìm hiểu các tính năng với vai trò là người admin và thành viên của một mailgroup.**

- Lợi ích của mailgroup:

- + Gửi email cùng lúc cho nhiều người đơn giản hơn.
- + Có khả năng theo dõi giữa thành viên với nhau.
- + Có sự minh bạch giữa các nhóm với nhau.



- Tính năng của mail group

+ Thành viên: Tạo mail, xem các thành viên trong nhóm, tìm kiếm cuộc trò chuyện cũ,

Xem được những nhóm mà mình tham gia, làm việc cùng các thành viên trong nhóm.

+ Người admin: Có tất cả tính năng của mailgroup thành viên. Ngoài ra còn có thể xem

được các thành viên đang chờ được phê duyệt, bị block. Cài được quyền riêng tư của từng thành viên. Xóa được nhóm mailgroup. Kiểm duyệt nội dung của mail, giao chủ đề cho mail.

**f. Để tìm kiếm vài mails trong vô số các mails đã tồn tại trong một account, gmail đã cung cấp các cấp các tính năng gì?**

- Tính năng filter message like this.

The image shows a search interface for email conversations. At the top is a search bar with a magnifying glass icon and the text "Search all conversations". Below this are several filter fields: "From", "To", "Subject", "Has the words", and "Doesn't have". There are also dropdown menus for "Size" (set to "greater than") and "Date within" (set to "1 day"). A "Search" dropdown is set to "All Mail". A checkbox for "Has attachment" is present. At the bottom right, there are two buttons: "Create filter" and "Search".

**g. Tìm hiểu tính năng: Filter message like this.**

- Filter message like this: là một tính năng dùng để lọc tất cả những tin nhắn chứa mail đó để xem lại những tin nhắn cũ hoặc những tin nhắn ta bỏ sót chưa đọc.

**Bài 2. Tìm hiểu cách thức tổ chức dữ liệu của Explore:**

**a. Explorer dùng mô hình gì để tổ chức dữ liệu?**

- Explorer dùng mô hình cây để tổ chức dữ liệu.

**b. Explorer mô tả một ổ đĩa, folder, file bằng những thuộc tính gì? Ích lợi các thuộc tính này? Phân biệt sự giống và khác nhau giữa các thuộc tính của ổ đĩa, folder và file? Chú ý tính năng; Read-only và hidden.**

- Những thuộc tính:

- + Archive (Lưu trữ): Nó chỉ ra các tập tin lưu trữ đã thay đổi kể từ khi sao lưu lần cuối
- + Hidden (Ẩn): Nó sẽ cho biết tập tin lưu trữ bị ẩn. File Explorer sẽ không hiển thị các tập tin ẩn, cho đến khi người dùng yêu cầu làm như vậy
- + System: (hệ thống) Nó cho biết tập tin lưu trữ là tập tin hệ thống cần thiết để máy tính hoạt động bình thường.
- + Read only: (chỉ đọc) Khi được đặt, thuộc tính này cho biết không nên thay đổi tập tin
- + Compressed: (nén) Windows sẽ nén một bộ tập tin khi lưu trữ.
- + Encrypted: (được mã hóa) Windows sẽ mã hóa tập tin lưu trữ để ngăn những truy cập trái phép.
- Giống và khác nhau:
  - + Giống: Thuộc tính hidden: Khi ổ đĩa, folder và file có thuộc tính hidden thì nó sẽ không được hiển thị trong Windows Explorer.
  - + Khác: Thuộc tính read only: Khi file có thuộc tính này cho biết không thể sửa chữa nội dung file mà chỉ có thể hiển thị nội dung file. Muốn sửa chữa nội dung file thì bạn phải hủy thuộc tính read only này. Khi thư mục có thuộc tính “read only” thì bạn không thể tạo mới/đổi tên/xóa các file và thư mục con của thư mục

### **c. Các chức năng xử lý một folder, file mà explorer đã cung cấp.**

- + Xem thông tin về file và folder.
- + Liệt kê file và folder theo các cách khác nhau.
- + Sao chép, di chuyển và xóa
- + Tìm kiếm

+ Nén file

**Bài 3. Hãy tìm hiểu cách tổ chức dữ liệu của một hệ điều hành dùng FAT32, NTFS và so sánh nó. HĐH đã dùng nguyên lý nào để khôi phục một tập tin đã xóa?**

- FAT32: FAT32 là một phần mở rộng của các hệ thống tệp trước đây, trong đó dữ liệu được lưu trữ dưới dạng khối 32 bit.

-NTFS: NTFS bao gồm các đặc điểm như khôi phục dữ liệu, đa luồng, khả năng chịu lỗi, bảo mật, kích thước tệp mở rộng và hệ thống tệp, tên UNICODE. exFAT được sử dụng

khi NTFS không khả thi, do chi phí cấu trúc dữ liệu của nó, nhưng cần giới hạn kích thước tệp lớn hơn hệ thống tệp FAT32 tiêu chuẩn.

- Giống : đều do window hỗ trợ, đều

- Khác nhau giữa FAT32 và NTFS

	FAT32	NTFS
Cấu trúc	Đơn giản	Phức tạp
Kích thước tệp tối đa	4GB	16TB
Bảo mật	Mạng network	Mạng local và network
Nén	Không nén	Hỗ trợ tệp nén
Tốc độ	Thấp	Cao hơn tập tin khác

- HĐH đã dùng NTFS để khôi phục một tập tin đã xóa.

**Bài 4: Tìm hiểu về vai trò của Trigger, View. Có bao nhiêu loại trigger? Có phải tất cả các hệ quản trị CSDL quan hệ đều hỗ trợ Trigger hay không.**

- Trigger: là một loại thủ tục lưu trữ được thực thi một cách tự động khi có một sự kiện xảy ra như update, insert hoặc delete. Trigger được dùng để đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu hoặc thực hiện các quy tắc nào đó.
- View là một bảng ảo trong cơ sở dữ liệu có nội dung được định nghĩa thông qua một câu lệnh nào đó. Một view gồm các hàng và cột giống như một bảng thực.
- Có 2 loại trigger: Trigger dữ liệu ngôn ngữ thao tác (trigger DML), Trigger dữ liệu ngôn ngữ định nghĩa (trigger DDL).
- Tất cả các hệ quản trị CSDL quan hệ đều hỗ trợ Trigger.